

Số: 1601/QyĐ-LTT-THPT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2015

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn đánh giá thi đua lớp học kì và năm học (áp dụng từ năm học 2015 – 2016)

Điều 1: Các tiêu chuẩn:

1. Học tập (tính hệ số 3):

Gồm các yếu tố sau:

- Điểm trung bình học tập của lớp (GVCN phụ trách)
- Kiểm tra dụng cụ học tập (GVKL phụ trách)
- Tỷ lệ Học sinh tiên tiến (GVCN phụ trách)

Quy định cho điểm Học sinh tiên tiến:

- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến $\geq 50\%$: 10 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 42.5% $\rightarrow$ 4.99% : 9.5 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 37.5% $\rightarrow$ 42.49% : 8.5 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 32.5% $\rightarrow$ 37.49% : 8.0 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 27.5% $\rightarrow$ 32.49% : 7.5 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 22.5% $\rightarrow$ 27.49% : 7.0 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 17.5% $\rightarrow$ 22.49% : 6.5 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 12.5 % $\rightarrow$ 17.49% : 6.0 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến từ 10% $\rightarrow$ 12.49% : 5.0 điểm
- + Tỷ lệ Học sinh tiên tiến $< 10\%$: 4.0 điểm (< 4 học sinh TT)
- + Lớp không có học sinh tiên tiến: 2.0 điểm

2. Chuyên cần (tính hệ số 2)

Trung bình điểm chuyên cần hàng tháng (HKI: 5 tháng ; HKII: 4 tháng)

3. Thực hiện nề nếp - nội quy (tính hệ số 2)

Trung bình điểm nề nếp nội quy hàng tháng (HKI: 5 tháng ; HKII: 4 tháng)

4. Phong trào thi đua (tính hệ số 2)

- Điểm thi đua Văn, Thể, Mĩ (Trợ lý TN phụ trách)
- Điểm hoạt động chi đoàn lớp (Trợ lý TN phụ trách)
- Điểm lao động vệ sinh trường, lớp (GVKL phụ trách)
- Điểm họp CMHS (GVKL phụ trách)

(dựa trên tỷ lệ CMHS dự họp/ số HS của lớp. CMHS dự họp 100% được tính 10 điểm)

5. Học phí (tính hệ số 1)

Tính theo tỷ lệ % học sinh thực đóng trong tháng (tính trong tháng thu tiền) từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng (29 hoặc 30 hoặc 31)

Tất cả chia cho 10

Điều 2: Các tiêu chí điểm thưởng - phạt (Cộng - Trừ vào tổng điểm. Không chia hệ số).

1. Điểm thưởng (được cộng vào tổng điểm, không chia hệ số):

- Học sinh Giải: 2 điểm/HS
- Học sinh đạt giải cấp Thành phố, các hoạt động giáo dục khác.
 - + Giải nhất: 2 điểm/HS
 - + Giải nhì 1,5 điểm/HS
 - + Giải ba 1 điểm/HS
- Học sinh tham gia BCH Đoàn trường 1 điểm/HS

2. Điểm phạt (bị trừ vào tổng điểm, không chia hệ số):

- Lớp có học sinh vi phạm kỷ luật bị đình chỉ học 1 tuần trở lên 2 điểm/HS
- Lớp có học sinh bị cảnh cáo trước toàn trường 1,5 điểm/HS
- Lớp có học sinh bị khiển trách trước toàn trường (dưới cờ) 1 điểm/HS
- Lớp bị phê bình trước toàn trường (dưới cờ) 0,5 điểm/HS
- Lớp có học sinh vi phạm luật Giao thông 2 điểm/HS

Điều 3: Xếp loại thi đua lớp

1. **Tiên tiến xuất sắc** (Loại A): Điểm Trung bình từ 8,0 điểm trở lên, không có cột nào < 6,0.

2. **Tiên tiến** (Loại B): Điểm Trung bình từ 7,0 → 7,99 không có cột nào < 5,0

3. **Trung bình** (Loại C): Các trường hợp còn lại có điểm trung bình từ 5,5 → 6,99 không có cột nào < 4

4. **Yếu** (Loại D): Các trường hợp còn lại.

➤ Lưu ý:

- Xem xét nâng xếp loại lớp nếu đứng thứ hạng 1 → 3 trong khối mà không được xếp loại Tiên tiến vì bị không chế 1 cột < 6 nhưng cột đó không được < 5,0.

- Không áp dụng cho Tiên tiến lên Tiên tiến xuất sắc.

- Lớp có học sinh ra Hội đồng kỷ luật buộc thôi học không xét Tiên tiến xuất sắc.

- Điểm thi đua cả năm = (điểm thi đua HKI + điểm thi đua HKII)/ 2 (được tính đến 02 số lẻ)

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu “để biết”;
- Trường THPT “để thực hiện”;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Dũng